TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU Bản án số 18/2020/HNGĐ-ST Ngày 28/5/2020 V/v " *Tranh chấp yêu cầu ly hôn*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Minh
2. Ông Nguyễn Bá Lộc

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3năm 2020 về việc "*Tranh chấp yêu cầu ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Bà Trần Thị B, sinh năm 1976.

HKTT: Tổ 9/4 Ô 2 khu phố H, thị trấn L, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Địa chỉ: Tổ 18 khu phố H, thị trấn L, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt

- *Bị đơn*: Ông Trần Thế D, sinh năm 1974

HKTT: Tổ 9/4 Ô 2 khu phố H, thị trấn L, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Địa chỉ: Tổ 18 khu phố H, thị trấn L, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà B và ông D chung sống tự nguyện từ năm 1999, có tổ chức đám cưới, tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu

Về mâu thuẫn: Cuộc sống của vợ chồng không hợp nhau, tính cách khác nhau, trong cuộc sống khi nói chuyện, trao đổi về một vấn đề nào đó là cãi, chửu nhau, không thể tìm được tiếng nói chung. Trong công việc ông D muốn làm bà Bình không muốn nhưng ông Dg vẫn làm dẫn đến thất bại, vợ chồng lại cãi chửi nhau. Những sự việc như vậy đã diễn ra nhiều lần, trong nhiều năm. Tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân hơn 01 tháng trước khi gửi đơn ly hôn đến Tòa. Hiện nay con đã trưởng thành, hai bên không bị giàng buộc gì nữa, bà B và ông D không còn sống chung nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông D.

- Về con chung: Bà B và ông D có 01 con chung tên Trần Thị Mỹ D, sinh năm 2000. Con đã trưởng thành, phát triển bình thường. Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Bà B đồng ý chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm

Tại bản khaii ngày 12/3/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn ông Trần Thế Dg trình bày:

- Vê hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như bà B trình bày, ông D và bà B chung sống từ năm 1999, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Về mâu thuẫn: ông D cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng không có mâu thuẫn. Nhưng tính cách của vợ chồng khác nhau, ông Dg và bà B không nói chuyện được với nhau trong cuộc sống hàng ngày. Bản thân ông Dg làm biển, có giao lưu với bạn bè sau khi đi biển về nên có ăn nhậu. Trong việc làm biển(làm chủ ghe) có thất bại, ông D muốn duy trì công việc, bà B muốn ông D thay đổi nhưng ông D không đồng ý. Ngoài ra ông D cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến bà B ly hôn là do bà B có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Ông D đã nhiều lần khuyên giải để bà B trở về chung sống với nhau nhưng bà B không đồng ý. Hơn 01 tháng trước khi gửi đơn đến Tòa án bà B đã dẫn con bỏ đi nơi khác sinh sống cho đến nay.Ông D cho rằng bản thân còn tình cảm với bà B không muốn ly hôn, do Tòa án xem xét giải quyết.

- Về con chung: Ông D và bà Bình có 01 con chung tên Trần Thị Mỹ D, sinh năm 2000. Con đã trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện VKSND huyện Long Điền phát biểu về quá trình tố tụng giải quyết vụ án: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thựa hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B. Con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, không giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]- Về tố tụng: Bà B yêu cầu ly hôn vì vậy tranh chấp giải quyết là "*Tranh chấp ly hôn*" theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về hôn nhân:

Bà B và ông D tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông D là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Căn cứ lời trình bày của các đương sự cho thấy, trong cuộc sống chung của vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống của bà B và ông D khác nhau, cuộc sống chung không có sự thông cảm, chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ngoài ra, ông D còn nghi ngờ bà B có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau.Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài và trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức cho bà B và ông D hòa giải đoàn tụ nhiều lần, tuy nhiên bà B vẫn kiên quyết ly hôn, các bên không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và hiện nay bà B và ông D không còn sống chung với nhau. Từ những lý do trên cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của bà B, bà B được ly hôn với ông D.

[3]- Về con chung: Bà B và ông D có 01 con chung tên Trần Thị Mỹ Dg, sinh năm 2000. Cháu D đang sống cùng bà Bình, đã trưởng thành, phát triển bình thường. Bà B và ông D không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[4]- Về tài sản chung và nợ chung: Bà B và ông D không có ý kiến yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét đến.

[5]- Về án phí: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị B đối với ông Trần Thế D. Bà Trần Thị B được ly hôn với ông Trần Thế D.

2. Về con chung: Bà B và ông D có 01 con chung tên Trần Thị Mỹ D, sinh năm 2000. Cháu D đã trưởng thành, phát triển bình thường. Bà B và ông D không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà B và ông D không có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003776 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND H. Long Điền;
- Chi cục THADS H. Long Điền;
- UBND TT.Long Hải, H.Long Điền,T. BRVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Anh